

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07/11/2018

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Quân

2. Bà Vũ Thị Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh B.

Hiện sinh sống tại: Lãnh thổ Đài Loan.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời khai gửi về Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Qua tự nguyện tìm hiểu chị M và anh Nguyễn Xuân D đã kết hôn với nhau ngày 16/9/1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung. Trong đơn đề ngày 31/5/2018 chị M có trình bày khoảng 04 năm trở lại đây (tức là khoảng năm 2014) do làm ăn không gặp, dẫn tới kinh tế gia đình khó khăn, thua lỗ

tiền của. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân nhau, cuộc sống ai người ấy tự lo. Trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân (khoảng năm 2016) chị M có đi lao động tại lãnh thổ Đài Loan, từ đó đến nay chưa về nhà, thời điểm này giữa vợ chồng không còn bất kỳ liên lạc nào với nhau. Đến nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1992 và Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1994. Các con phát triển bình thường và hiện đã trưởng thành, nên việc các con chị sống với bố hay với mẹ là tùy quyết định của các con.

Về tài sản chung: Chị và anh D có một ngôi nhà trên thửa đất 504m² và 5 sào ruộng cấy. Đất ở và ruộng tại Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh B. Về tài sản chung chị M có ý kiến để lại cho các con, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

Về công nợ chung: Chị M trình bày các khoản nợ của chị, chị sẽ tự chịu trách nhiệm, không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Hiện chị M đang đang lao động tại lãnh thổ Đài Loan không có điều kiện về Việt Nam tham gia các phiên họp hòa giải; tiếp cận, giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ; phiên tòa xét xử vụ án nên chị M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Chị M có làm một giấy ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1994 trú tại: Thôn Cứu Sơn, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh B, nội dung chị M ủy quyền cho anh Nguyễn Xuân T2 có trách nhiệm nộp lệ phí ly hôn và các thủ tục tố tụng trong việc giải quyết ly hôn của chị M theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 27/8/2018 với anh Nguyễn Xuân T2, anh T2 trình bày: Anh T2 có biết việc bố mẹ anh giải quyết ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên đây là việc riêng của bố mẹ nên anh không có ý kiến gì. Về việc mẹ anh (chị M) ủy quyền, anh T2 chấp nhận việc ủy quyền của chị M theo nội dung giấy ủy quyền ngày 31/5/2018. Đồng ý nhận ủy quyền đi nộp thay tất cả các loại tạm ứng án phí, lệ phí thay cho chị M; Nhận thay chị M tất cả các văn bản tài liệu, quyết định mà Tòa án giao cho. Cam kết giao lại hoặc thông báo cho chị M được biết ngay sau khi nhận các văn bản tài liệu đó.

Tại nội dung biên bản lấy lời khai của Tòa án với anh Nguyễn Xuân D, anh D trình bày: Anh D chỉ đồng ý giải quyết ly hôn và làm việc với Tòa án khi chị M về Việt Nam gặp anh để cùng giải quyết, nếu chị M không về thì anh không làm việc với Tòa án, Tòa án có mời anh đến làm việc anh cũng không lên. Biên bản lấy lời

khai có sự chứng kiến của ông Nguyễn Huy Đ là Công an viên của xã Đ và có xác nhận của UBND xã Đ.

Đồng thời, Tòa án đã giao giấy báo làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh D đã nhận thông báo, giấy báo nhưng anh D trả lời không chấp nhận làm việc với Tòa án và đã ghi ý kiến của mình là không lên làm việc tại Tòa án vào giấy báo

Con chung, tài sản và công nợ chung: Anh D không đưa ra ý kiến.

Tại phiên tòa chị M vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn xin ly hôn, bản tự khai và đơn đề nghị của chị M tại phiên tòa.

Anh D vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do vậy yêu cầu của xin ly hôn của chị M là có căn cứ. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Xử cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Xuân D. Những vấn đề khác các đương sự không đề nghị, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Vào hồi 7 giờ 30' ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh B đã đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho các đương sự nhưng nguyên đơn là chị M vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình, cung cấp các chứng cứ về việc chị xin ly hôn anh D, bị đơn là anh Nguyễn Xuân D vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D tới trụ sở Tòa án để tiến hành lấy lời khai, ghi ý kiến trình bày, nhưng anh D không hợp tác. Thể hiện ở biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B. Do anh D không hợp tác và nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào mà Tòa án giao nên sau khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các giấy tờ của Tòa án theo quy định của pháp luật. Hội đồng

xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quyết định số 24/2018/QĐ-HPT ngày 19/10/2018. Phiên tòa được mở lại vào hồi 7giờ30' ngày 07/11/2018, và Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh D.

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị M hiện đang sinh sống tại lãnh thổ Dài Loan, bị đơn là anh Nguyễn Xuân D có địa chỉ: thôn Cứu Sơn, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Chị M và anh D có đủ điều kiện kết hôn, khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung. Đến khoảng năm 2014 thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do của mâu thuẫn là việc làm ăn không gặp, kinh tế gia đình khó khăn, thua lỗ tiền của. Giữa hai vợ chồng đã không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Từ khoảng năm 2016 khi chị M sang Dài Loan lao động giữa chị và anh D đã cắt đứt hoàn toàn quan hệ vợ chồng. Phía anh D không có lời khai tại phiên tòa tuy nhiên khi gặp và làm việc với anh D thì anh cũng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, xuất phát từ việc làm ăn kinh tế giữa hai vợ chồng không gặp, nhưng anh D chỉ làm việc với Tòa án khi chị M về nước gặp anh.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh chị M là có căn cứ chấp nhận, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 37, 38, 39, 47, 146, 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Xuân D.

2. Con chung, tài sản và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ(do anh T2 nộp thay) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004318 ngày 03/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình